

Bản án số: 62/2024/HS - ST
Ngày 25 - 9 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thoan

Ông Trương Xuân Mậu

- Ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Tiến Dũng – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình giữ quyền công tố tại phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xét xử án hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2024/TLST – HS ngày 23 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST – HS ngày 11 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn Đ (Tên gọi khác: Vương A C, Hoàng Song B); sinh năm 1964, tại tỉnh Nghệ An; nơi thường trú: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: không biết chữ; con ông Trần Văn P (chết) và bà Nguyễn Thị Đ1 (chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 161/1992/HS – ST ngày 09/12/1992 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bản án số 133/1995/HS – ST ngày 08/9/1995 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 07 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và “Trốn khỏi nơi giam”, tổng hợp hình phạt của Bản án số 161/1992/HS – ST ngày 09/12/1992 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai chưa chấp hành xong; bị cáo phải chấp hành hai bản án là 12 năm 08 tháng tù; chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 22/11/2005. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09 tháng 12 năm 2023 cho đến nay; bị cáo có mặt theo Lệnh trích xuất.

2. Đặng Văn N (tên gọi khác: N1, P1, Đặng Công S); sinh ngày 10 tháng 5 năm 1968, tại tỉnh Nam Định; nơi thường trú: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 2/10; con ông Đặng Văn

T (chết) và bà Đặng Thị C1 (chết); vợ: Đoàn Thị H, sinh năm 1969; con: 04 người con (chết 1, còn 3 đã trưởng thành); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14 tháng 12 năm 2023 cho đến nay; bị cáo có mặt theo Lệnh trích xuất (tại phiên tòa bị cáo từ chối người bào chữa do cơ quan tiến hành tố tụng chỉ định bào chữa cho bị cáo).

- *Người bào chữa cho bị cáo* Trần Văn Đ: Ông Nguyễn Văn N2 – Luật sư, Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q; có mặt.

- *Bị hại*:

1. Ông Phạm Nguyễn Hoàng M (tên gọi khác: Thích Minh T1); sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

2. Chi nhánh L1, thuộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc D – Phó Giám đốc Chi nhánh L1; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Ngô Thị H1, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

2. Bà Trần Thị Thu H2, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Bà Lê Thị Hoài N3, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số A T, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

2. Ông Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Nông trường L, huyện L, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

3. Ông Trần Văn H3, sinh năm 1987

Địa chỉ: Bản B, xã K, huyện L, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hai bị cáo Trần Văn Đ và Đặng Văn N sống lang thang, lợi dụng việc bán hàng dạo nhằm phát hiện sự sơ hở của các cá nhân, tổ chức trong việc quản lý tài sản để cùng nhau thực hiện trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

1. *Hành vi trộm cắp tài sản tại* chùa K1 *thuộc* thôn A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng: Cuối năm 2022, Trần Văn Đ có ý định trộm cắp tài sản tại chùa K1 thuộc thôn A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên điện thoại cho Đặng Văn N

với nội dung gặp nhau tại [thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng](#) để cùng nhau trộm cắp tài sản. Khoảng 12 giờ ngày 12/02/2023, [Đ](#) sử dụng xe mô tô BKS 85R7- 0637 chở [N](#) mang theo xà beng nhỏ đinh bằng sắt dài khoảng 70cm, tuốc nơ vít đến khu vực [chùa K1](#). Khoảng 21 giờ cùng ngày, cả hai đi xe mô tô quay lại quan sát trước [chùa K1](#) rồi giấu xe mô tô vào khu nghĩa địa đối diện [chùa K1](#). Đến khoảng hơn 00 giờ ngày 13/02/2023, cả hai đi bộ quay lại [chùa K1](#), [Đ](#) một mình đi vào [chùa Q](#), xác định vị trí nơi có tài sản rồi quay lại dẫn [N](#) đi vào chùa. Cả hai đi đến 01 căn phòng ở phía bên phải có nhiều đồ dùng (phòng ngủ của sư trụ trì [Phạm Nguyễn Hoàng M](#)), [Đ](#) dùng tuốc nơ vít cạy bung chốt cửa hông đột nhập vào phát hiện có 01 két sắt. Cả hai kéo, khiêng két sắt ra khỏi khuôn viên đi về phía trước đối diện chùa khoảng 100 mét rồi thay nhau đục, cạy phá két sắt và thấy trong két có nhiều tiền VNĐ, [V](#) và ngoại tệ. Do không có túi để đựng tài sản nên [Đặng Văn N](#) quay lại phòng ông [M](#) lấy một túi vải để đựng tài sản trộm cắp được rồi cả hai theo đường cũ quay lại khu vực nghĩa địa nơi giấu xe mô tô. Tại đây, [N](#) cầm đèn pin chiếu còn [Đ](#) chia tài sản trộm được mỗi người được 130.000.000 đồng, số vàng [Đ](#) đổ ra trên nền mộ dùng tay gạt phẳng rồi kẻ một đường phân đôi mỗi người một bên; 03 tờ mệnh giá 100 USD [Đ](#) cho [N](#) lấy hết. Sau khi chia tài sản trộm cắp được, cả hai chở nhau bằng xe mô tô về phòng trọ, ngày 13/02/2023, [Đặng Văn N](#) lấy xe mô tô của [Đ](#) rời khỏi [thành phố Đ](#) còn [Trần Văn Đ](#) vẫn ở tại nhà trọ đến ngày 16/02/2023. Số vàng trộm cắp được, [Đ](#) mang bán rải rác nhiều nơi được khoảng 200.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an huyện Đ](#) đã tiến hành trích xuất hình ảnh từ các camera thể hiện thời gian, hình ảnh hai người đàn ông đến tại hiện trường và di chuyển đi về đến [đường T](#), nơi ở trọ của [Trần Văn Đ](#) và tiến hành trưng cầu giám định hình ảnh camera giám sát giao thông và camera trước cổng [chùa K1](#). Thông qua bản ảnh tại Kết luận giám định số 442/KL-KTHS ngày 29/4/2024 của [Phòng K2 Công an tỉnh L](#) có căn cứ xác định: Có 02 người đàn ông đi xe mô tô BKS 85R7-0637 di chuyển đến [chùa K1](#) để trộm cắp tài sản vào đêm ngày 12/02/2023 và rạng sáng ngày 13/02/2023.

Ông [Phạm Nguyễn Hoàng M](#) không có tài liệu cụ thể để xác định giá trị tài sản bị trộm cắp mà chỉ nhớ áng chừng là khoảng một tỷ đồng.

2. Hành vi trộm cắp tài sản tại [Chi nhánh L1 thuộc xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình](#): Ngày 23 tháng 6 năm 2023, [Trần Văn Đ](#) rủ [Đặng Văn N](#) đến địa bàn tỉnh Quảng Bình để trộm cắp tài sản. Sau khi thăm dò, quan sát phát hiện trụ sở [Chi nhánh L1](#) thuộc [Công ty TNHH MTV L2](#), thuộc [thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình](#) có nhiều người vào, ra nộp tiền nên [Đ](#) và [N](#) này sinh ý định thực hiện trộm cắp vào đêm thứ bảy ngày 24/6/2023. [Đ](#) tìm mua 01 cây xà beng có một đầu nhọn một đầu dẹt tại [quán T3 đường H](#). Khoảng 21 giờ ngày 24/6/2023, cả hai đi xe mô tô mang theo xà beng, găng tay, đèn pin, áo chống

muối đến khu rừng thông giấu xe mô tô rồi đến đi quan sát thấy tại sân của Chi nhánh Lâm trường có ba người ngồi chơi uống rượu đến khoảng 00 giờ ngày 25/6/2023 thì họ đi ngủ. [Trần Văn Đ](#) và [Đặng Văn N](#) đợi thêm khoảng hơn 30 phút, không nghe động tĩnh gì, cả hai mang công cụ đi vào dãy nhà chính. Bên ngoài cửa các phòng đều gắn biển hiệu, nhìn thấy hai phòng liền kề gắn biển "Kế toán". [Đặng Văn N](#) dùng xà beng cạy phá cửa phòng thứ nhất đi vào trong phòng nhưng không thấy đồ vật gì có thể đựng tiền. [Trần Văn Đ](#) cầm xà beng đến cạy phá cửa phòng kế toán liền kề đi vào trong phát hiện trong phòng còn có ngăn thêm một phòng có cửa khoá, [Đ](#) cạy phá tiếp cửa phòng ngăn, phát hiện trong phòng có két sắt. Sợ đục phá két sắt tại phòng gây tiếng động mạnh sẽ đánh thức bảo vệ nên cả hai di chuyển két sắt ra bên ngoài. Do két sắt quá nặng không khiêng được, [Trần Văn Đ](#) tháo găng tay, kéo đứt tấm rèm vải che cửa sổ, xếp lại trải ra giữa nền cạnh két sắt đồng thời nhặt, vứt hết giấy tờ trên mặt két sắt rồi cả hai lật két sắt nằm trên tấm rèm vải để kéo, đẩy két sắt. [Đ](#) nhặt một số giấy tờ gấp lại chèn cánh cửa mở cố định để kéo két sắt ra khỏi phòng. [Đ](#) đi trước cầm rèm vải kéo, [N](#) đi sau đẩy két sắt. Khi đến bậc tam cấp, cả hai lật két từng nhịp, đưa két sắt ra gần bờ rào phía trước [Chi nhánh L1](#). [Đ](#) và [N](#) thay nhau dùng xà beng đục phá két, do mặt trước két sắt dày không đục phá được, cả hai lật mặt sau két thay nhau đục phá và xé được vỏ két sắt. [Đ](#) và [N](#) lấy hết toàn bộ tiền trong két cho vào túi nilon có sẵn trong két. [N](#) giữ túi tiền còn [Đ](#) giữ xà beng, cả hai đến chỗ giấu xe máy. Tại vị trí giấu xe máy, [Đ](#) bật đèn pin rồi cả hai chia nhau tiền, mỗi người được 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) còn một số tiền lẻ [Đ](#) cho [N](#). Sau khi chia tiền [Đ](#) chở [N](#) đi về hướng [Quốc lộ A](#), dùng xe trên đoạn đường tránh lũ để rời khỏi địa bàn Quảng Bình. [N](#) bắt xe khách đi [S](#) còn [Đ](#) đi xe máy vào Đà Nẵng. Theo báo cáo của [Chi nhánh L1](#) tại thời điểm bị trộm cắp số tiền tồn quỹ là 617.527.932 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 785/CT - VKS – P3 ngày 21/8/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố hai bị cáo [Trần Văn Đ](#) và [Đặng Văn N](#) về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo [Đặng Văn N](#) không thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố; bị cáo [Trần Văn Đ](#) không khai báo.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố hai bị cáo và đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173, Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho cả hai bị cáo, riêng bị cáo [Trần Văn Đ](#) áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo [Trần Văn Đ](#) 13 năm đến 14 năm tù, bị cáo [Đặng Văn N](#) từ 14 đến 15 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Miễn hình phạt bổ sung cho hai bị

cáo, buộc hai bị cáo phải bồi thường cho bị hại, tịch thu số vật chứng thu giữ tại nơi ở của [Trần Văn Đ](#) để sung công; tiêu hủy các vật chứng không có giá trị, buộc hai bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hai bị cáo [Trần Văn Đ](#) và [Đặng Văn N](#) không có khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên; của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Quá trình điều tra bị cáo [Trần Văn Đ](#) thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể: Ngày 13/02/2023, bị cáo [Trần Văn Đ](#) cùng bị cáo [Đặng Văn N](#) đến [chùa K1, tỉnh Lâm Đồng](#) phá két sắt lấy trộm của sư trụ trì [Phạm Nguyễn Hoàng M](#) 667.088.400 đồng. Ngày 25/6/2023 bị cáo [Trần Văn Đ](#) cùng bị cáo [Đặng Văn N](#) phá két sắt lấy trộm của [Chi nhánh L1](#) thuộc [Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L3](#) Đại số tiền 617.527.932 đồng.

[3] Lời khai nhận của bị cáo [Trần Văn Đ](#) trong quá trình điều tra phù hợp với trình bày của các bị hại, các tài liệu khác thu giữ được trong quá trình điều tra vụ án và kết quả giám định; do đó có đủ căn cứ xác định bị cáo [Trần Văn Đ](#) đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo [Đặng Văn N](#) không thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, tuy nhiên căn cứ lời khai của [Trần Văn Đ](#), vật chứng thu được tại hiện trường vụ án, kết quả giám định và lời khai, nhận dạng của người làm chứng, người liên quan có đủ căn cứ để xác định bị cáo [Đặng Văn N](#) đã trực tiếp cùng bị cáo [Trần Văn Đ](#) thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại [chùa K1, tỉnh Lâm Đồng](#) vào ngày 13/02/2023 và tại [Chi nhánh L1](#) thuộc [Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2](#) vào ngày 25/6/2023; do đó bị cáo [Đặng Văn N](#) đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Hai bị cáo [Trần Văn Đ](#) và [Đặng Văn N](#) là những người có thể chất phát triển bình thường, không bị các bệnh lý về tâm thần, các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Căn cứ phân tích tại mục [2], [3] và [4] thấy đã có

đủ chứng cứ kết luận hai bị cáo [Trần Văn Đ](#) và [Đặng Văn N](#) phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định hai bị cáo [Trần Văn Đ](#) và [Đặng Văn N](#) đã trực tiếp lấy trộm 667.088.400 đồng tại [chùa K1, tỉnh Lâm Đồng](#) vào ngày 13/02/2023 và 617.527.932 tại [Chi nhánh L1](#) thuộc [Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2](#) vào ngày 25/6/2023. Hành vi này của hai bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, có khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm tù.

[7] Trong vụ án này hai bị cáo [Trần Văn Đ](#) và [Đặng Văn N](#) cùng nhau bàn bạc thực hiện hai lần trộm cắp tài sản nhưng hai bị cáo chỉ đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ giữa hai bị cáo nên không áp dụng tình tiết đồng phạm đối với hai bị cáo. Bị cáo [Đ2](#) trước đây trộm cắp tài sản đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai và Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt tù, tuy đã được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục rủ [Đặng Văn N](#) cùng thực hiện hành vi phạm tội, do đó bị cáo [Đ](#) phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án này. Bị cáo [Đặng Văn N](#) hưởng ứng khi được bị cáo [Đ](#) rủ đi trộm cắp tài sản và tham gia tích cực, trong vụ án này bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, do đó cần xử phạt với mức án nghiêm để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[8] Quá trình điều tra bị cáo [Trần Văn Đ](#) luôn thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo không khai báo (không trả lời tất cả các câu hỏi tại phiên tòa), do đó việc Kiểm sát viên tại phiên tòa để áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo [Đ](#) không được chấp nhận; hai bị cáo [Trần Văn Đ](#) và [Đặng Văn N](#) hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để tăng nặng hình phạt khi lượng hình.

[9] Hai bị cáo [Trần Văn Đ](#) và [Đặng Văn N](#) đều nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật và bị xử phạt nghiêm khắc, nhưng hai bị cáo vẫn bất chấp quy định của pháp luật để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản hành vi phạm tội của hai bị cáo không những xâm hại đến sự quản lý tài sản của cá nhân, tổ chức mà còn gây ảnh hưởng xấu trong đời sống xã hội; căn cứ hành vi phạm tội, số tài sản hai bị cáo trộm cắp, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo [Trần Văn Đ](#) từ 14 năm đến 15 năm tù; bị cáo [Đặng Văn N](#) từ 15 năm đến 16 năm tù.

[10] Hai bị cáo [Trần Văn Đ](#) và [Đặng Văn N](#) sống lang thang, không có việc làm ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho hai bị cáo.

[11] Hai bị cáo [Trần Văn Đ](#) và [Đặng Văn N](#) đang bị tạm giam tại Trại tạm giam [Công an tỉnh Q](#); căn cứ Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, cần tiếp tục duy trì quyết định tạm giam hai bị cáo để đảm bảo việc thi hành án hình sự.

[12] Quá trình điều tra thu giữ của bà [Lê Thị Hoài N3](#): 01 (một) ba lô màu xanh nhãn hiệu HK kích thước 60 x 40 x 20 (cm) gồm 04 ngăn, bên trong ba lô không chứa đồ vật gì; 01 (một) ba lô nhãn hiệu Hung Long, kích thước 46 x 36 x 20 (cm) màu nâu, bên trong ba lô chứa: Một bộ quần áo sơ mi dài tay màu xanh; một quần tây dài đen, một quần dài màu xám, một quần tây màu đen bạc, một áo thun màu đen; một mũ vải màu đen, một đèn pin màu đen; một túi đựng đồ màu đen; 05 (năm) đôi giày kích cỡ khác nhau; 01 (một) mũ bảo hiểm màu đen, trên mũ có dòng chữ [R](#) và ROC và 02 (hai) khẩu trang vải các vật chứng này không liên quan vụ án cơ quan điều tra đã trả lại cho bà [N3](#) nên không xem xét.

Thu giữ 01 (Một) tờ giấy loại A4 có tiêu đề DANH SÁCH NỘP TIỀN PHÁT THỰC BÌ KHAI THÁC GỖ RỪNG TRỒNG, lập ngày 07/7/2022; 01 (Một) tờ PHIẾU THU lập ngày 16/6/2023, họ tên người nộp tiền [Nguyễn Văn K](#); Tờ khai căn cước công dân và [D1](#) chỉ bản phục vụ công tác giám định; 02 (Hai) bản sao kê tài khoản ngân hàng mang tên [Ngô Thi H1](#). Tài khoản số: 3802205131217 gồm 04 trang và số 3802686879999 gồm 02 trang đều mở tại [Ngân hàng A](#); 01 (một) tập tài liệu là sổ quỹ tiền mặt của [Chi nhánh L1](#) gồm 21 trang; 01 (một) tập tài liệu có 10 phiếu chi, số phiếu từ số 74 đến số 83 và 341 phiếu thu, số phiếu từ số 94 đến số 434; 03 (Ba) thẻ nhớ chứa file dữ liệu hình ảnh do Cơ quan CSĐT [Công an huyện Đ](#), tỉnh Lâm Đồng thu thập, kèm hình ảnh đã được trích xuất; 06 (Sáu) đĩa DVC-R đây là tài liệu liên quan vụ án nên lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Thu giữ 01 (một) mảnh vải có hoạ tiết màu vàng, trắng có kích thước (2,8 x 2,4) mét; 01 (một) găng tay (dạng len) có nhiều hoa văn, có màu đen, trắng, xám, phần dài nhất 21,6 cm, tại phần đầu cùng của cổ tay rộng 7,8cm; 01 (một) áo dài tay (dạng áo len) màu đen, lưng áo và ống tay màu đen, phía trước thân áo kẻ ô dạng hình chữ nhật màu đen - xám, cổ áo có nhãn, trên nhãn có chữ TRN1961 (số cuối cùng viết ngược), size: M. Chiều dài tính từ cổ áo đến hết thân áo 65,8cm, chiều rộng nhất 44cm đây là tài sản không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Thu giữ tại nơi ở của [Trần Văn Đ](#) 69 (Sáu mươi chín) tờ giấy dạng tiền, mặt trước có hình ngôi chùa; 58 (Năm mươi tám) tờ giấy dạng tiền có kích thước, hình ảnh, màu sắc khác nhau; 10 (Mười) chiếc nhẫn kim loại màu vàng có nhiều đặc điểm khác nhau; 12 (Mười hai) chiếc khuyên tai bằng kim loại màu vàng có đặc điểm khác nhau; 01 (Một) [cục K3](#) màu vàng không rõ hình dạng, 01

(một) chuỗi vòng hình tròn; 01 (một) vòng tròn kim loại màu đồng; 11 (mười một) miếng kim loại dạng tròn màu trắng bạc có nhiều kích thước khác nhau (được Cơ quan điều tra [Công an tỉnh Q](#) niêm phong ngày 28/5/2024) là tài sản để đảm bảo việc thi hành án.

[13] Buộc hai bị cáo [Trần Văn Đ](#) và [Đặng Văn N](#) phải liên đới bồi thường cho [Chi nhánh L1](#) thuộc [Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2](#) 617.527.932 đồng; theo phần [Trần Văn Đ](#) phải bồi thường 308.763.932 đồng, [Đặng Văn N](#) phải bồi thường 308.764.000 đồng. Bồi thường cho ông [Phạm Nguyễn Hoàng Minh Chùa Khánh B1](#), tỉnh Lâm Đồng 667.088.400 đồng; theo phần [Trần Văn Đ](#) phải bồi thường 333.544.000 đồng, [Đặng Văn N](#) bồi thường 333.544.400 đồng.

[14] Hai bị cáo [Trần Văn Đ](#) và [Đặng Văn N](#) mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 29.692.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[15] Hai bị cáo [Trần Văn Đ](#) và [Đặng Văn N](#) có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Hai bị cáo [Trần Văn Đ](#) và [Đặng Văn N](#) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; Điều 38 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo [Trần Văn Đ](#) 14 (mười bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 09/12/2023.

3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo [Đặng Văn N](#) 15 (mười lăm) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 14/12/2023.

4. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho hai bị cáo [Trần Văn Đ](#) và [Đặng Văn N](#).

5. Căn cứ khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục duy trì quyết định tạm giam số 152/2024/HSST – QĐTG ngày 27/8/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đối với hai bị cáo [Trần Văn Đ](#) và [Đặng Văn N](#) để đảm bảo việc thi hành án hình sự.

6. Áp dụng khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) mảnh vải có hoạ tiết màu vàng, trắng có kích thước (2,8 x 2,4) mét; 01 (một) găng tay (dạng len) có nhiều hoa văn, có màu đen, trắng, xám, phần dài nhất 21,6 cm, tại phần đầu cùng của cổ tay rộng 7,8cm; 01 (một) áo dài tay (dạng áo len) màu đen, lưng áo và ống tay màu đen, phía trước thân áo kẻ ô dạng hình chữ nhật màu đen - xám, cổ áo có nhãn, trên nhãn có chữ TRN1961 (số cuối cùng viết ngược), size: M. Chiều dài tính từ cổ áo đến hết thân áo 65,8cm, chiều rộng nhất 44cm được niêm phong trong một phong bì màu trắng có chữ “Bộ C2”.

Thu giữ của bị cáo Trần Văn Đ để đảm bảo thi hành án 69 (Sáu mươi chín) tờ giấy dạng tiền, mặt trước có hình ngôi chùa; 58 (Năm mươi tám) tờ giấy dạng tiền có kích thước, hình ảnh, màu sắc khác nhau; 10 (Mười) chiếc nhẫn kim loại màu vàng có nhiều đặc điểm khác nhau; 12 (Mười hai) chiếc khuyên tai bằng kim loại màu vàng có đặc điểm khác nhau; 01 (Một) cục K3 màu vàng không rõ hình dạng, 01 (một) chuỗi vòng hình tròn; 01 (một) vòng tròn kim loại màu đồng; 11 (mười một) miếng kim loại dạng tròn màu trắng bạc có nhiều kích thước khác nhau. (được Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q niêm phong ngày 28/5/2024) là tài sản đang tạm giữ tại Kho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

7. Áp dụng Khoản 1 Điều 584 và khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc hai bị cáo Trần Văn Đ và Đặng Văn N phải liên đới bồi thường cho Chi nhánh L1, thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L2 617.527.932 đồng; theo phần Trần Văn Đ phải bồi thường 308.763.932 đồng, Đặng Văn N phải bồi thường 308.764.000 đồng. Bồi thường cho chủ trì Phạm Nguyễn Hoàng M chùa K1, tỉnh Lâm Đồng 667.088.400 đồng; theo phần Trần Văn Đ phải bồi thường 333.544.000 đồng, Đặng Văn N bồi thường 333.544.400 đồng.

8. Bị cáo Trần Văn Đ và bị cáo Đặng Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 29.692.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

9. Tuyên bố, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

10. Án xử công khai sơ thẩm báo cho hai bị cáo [Trần Văn Đ](#), [Đặng Văn N](#) và bị hại, người liên quan vụ án có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 25/9/2024. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Vụ 1 TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình (P1);
- Văn phòng Điều tra CAQB;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan THA hình sự;
- Phòng NV & THA Tòa án tỉnh QB;
- Trại tạm giam CAQB;
- Cục THADS tỉnh QB;
- Bị cáo;
- Bị hại, người liên quan vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa